

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017
và kết thúc vào ngày 30/06/2017



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	2 - 5
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	6 - 7
3. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	
- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	8 - 9
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	11
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	12 - 41

STP
C
ACH

V
VH.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Ban Tổng giám đốc:

Các thành viên của Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>	
- Ông Thân Thế Đăng	Tổng Giám đốc	
- Ông Vũ Xuân Trình	Phó Tổng giám đốc	(iv) Đến hết ngày 14/4/2017
- Ông Dương Hồng Hải	Phó Tổng giám đốc	(v) Đến hết ngày 14/3/2017
- Ông Vũ Đức Quảng	Phó Tổng giám đốc	
- Ông Trần Văn Hoan	Phó Tổng giám đốc	
- Ông Nguyễn Đình Tuấn	Phó Tổng giám đốc	(vi) Từ ngày 15/3/2017
- Ông Vương Đình Đề	Phó Tổng giám đốc	(vii) Từ ngày 15/4/2017

(iv) Theo Quyết định số 54/QĐ-NĐCP ngày 12/4/2017 của Hội đồng quản trị

(v) Theo Quyết định số 26/QĐ-NĐCP ngày 10/3/2017 của Hội đồng quản trị

(vi) Theo Quyết định số 28/QĐ-NĐCP ngày 10/3/2017 của Hội đồng quản trị

(vii) Theo Quyết định số 55/QĐ-NĐCP ngày 12/4/2017 của Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Bà Nguyễn Thị Dung	Trưởng ban
- Bà Lưu Thị Minh Thanh	Thành viên
- Bà Đặng Thị Bảo Thái	Thành viên

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở chính tại phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

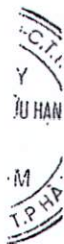
Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30/06/2017 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét đính kèm.

5. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017 của Công ty.



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV

Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30/06/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017 của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này Ban Tổng giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp;

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV
Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

8. Ý kiến của Ban Tổng giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30/06/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017 và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Quảng Ninh, ngày 11 tháng 08 năm 2017

THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thân Thế Đăng
Tổng Giám đốc

031
RÁC
/AM

Số: 39 /2017/BCSX-PKF.VPC

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2017

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV được lập ngày 11/08/2017 bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017 được trình bày từ trang 8 đến trang 41 kèm theo

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

340
ÔN
NHÌ
PJ
IẾT
XU.

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV
Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị: VND

TAI SAN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		993.832.023.883	505.560.966.142
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	43.013.143.920	14.072.299.360
Tiền	111		43.013.143.920	14.072.299.360
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		898.006.836.890	433.814.421.637
Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	5.2	823.528.259.664	409.473.165.746
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.595.308.101	2.109.594.888
Các khoản phải thu khác	136	5.3	72.955.929.125	22.304.321.003
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.4	(72.660.000)	(72.660.000)
Hàng tồn kho	140		48.750.871.660	48.528.037.801
Hàng tồn kho	141	5.5	48.750.871.660	48.528.037.801
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.061.171.413	9.146.207.344
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	3.044.406.166	4.037.782.833
Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước	153	5.13	1.016.765.247	5.108.424.511
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.029.307.627.316	7.232.499.368.596
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		6.274.240.582.489	6.500.826.418.462
TSCĐ hữu hình	221	5.7	6.274.165.026.933	6.500.826.418.462
- Nguyên giá	222		10.133.968.161.367	10.128.950.624.686
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(3.859.803.134.434)	(3.628.124.206.224)
TSCĐ vô hình	227	5.8	75.555.556	-
- Nguyên giá	228		168.000.000	88.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(92.444.444)	(88.000.000)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240	5.6	2.110.139.152	1.197.196.180
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.110.139.152	1.197.196.180
Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		752.956.905.675	730.475.753.954
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	710.150.451.385	686.679.921.929
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		42.806.454.290	43.795.832.025
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CÔNG TÀI SẢN	270		8.023.139.651.199	7.738.060.334.738

Báo cáo tài chính giữa niên độ này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV
Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
NỢ PHẢI TRẢ	300		6.665.063.911.276	6.327.517.384.786
Nợ ngắn hạn	310		2.446.942.358.879	1.894.426.913.239
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	930.836.060.530	423.551.909.174
Người mua trả tiền trước	312		38.705.020	50.961.020
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	25.060.665.770	-
Phải trả người lao động	314		9.686.547.870	11.381.019.666
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	164.969.286.816	82.539.402.401
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	5.15	2.292.022.549	4.986.785.008
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.10	1.312.667.912.227	1.369.943.558.493
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.391.158.097	1.973.277.477
Nợ dài hạn	330		4.218.121.552.397	4.433.090.471.547
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		4.218.121.552.397	4.433.090.471.547
Vay dài hạn		5.10	3.211.884.752.397	3.427.391.271.547
Nợ dài hạn		5.12	1.006.236.800.000	1.005.699.200.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.358.075.739.923	1.410.542.949.952
Vốn chủ sở hữu	410	5.16	1.358.075.739.923	1.410.542.949.952
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.969.806.222.882	1.969.806.222.882
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.969.806.222.882	1.969.806.222.882
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(611.730.482.959)	(559.263.272.930)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(559.263.272.930)	(658.539.266.156)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(52.467.210.029)	99.275.993.226
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		8.023.139.651.199	7.738.060.334.738

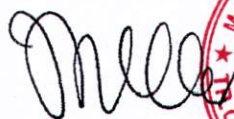
Quảng Ninh, ngày 11 tháng 08 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC







Nhữ Thị Thu

Lưu Mạnh Thắng


Thân Thế Đăng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Đơn vị: VND

CÁI TIÊU	Mã số	Thuật ngữ minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1.661.220.974.027	1.019.538.271.572
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	10	1.661.220.974.027	1.019.538.271.572
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	6.2	1.483.345.775.432	1.214.150.503.621
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20	20	177.705.198.595	(194.611.231.049)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	7.650.746.000	60.300.874.004
Chi phí tài chính	22	6.4	219.332.629.594	200.000.363.703
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		219.134.726.061	199.495.963.703
Chi phí bán hàng	24	6.7	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.7	16.568.603.673	13.625.238.094
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	30	(50.365.615.712)	(347.958.950.642)
Thu nhập khác	31	6.5	176.126.455	374.160.533
Chi phí khác	32	6.6	2.277.820.772	1.123.040.488
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(2.101.694.317)	(748.879.955)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(52.467.210.029)	(348.717.838.797)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		(52.467.210.029)	(348.717.838.797)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	(236)	(1.770)

Quảng Ninh, ngày 11 tháng 08 năm 2017
TỔNG GIÁM ĐỐC

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

[Signature]

[Signature]



[Signature]

Nhà Thị Thu

Lưu Mạnh Thắng

Thần Thế Đông

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV
 Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (theo phương pháp gián tiếp)
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Đơn vị: VND

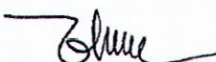
CHI TIẾT	Mã số	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SX KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	(52.467.210.029)	(348.717.838.797)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	232.795.651.573	268.490.329.755
Các khoản dự phòng	03	-	714.980.381
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(2.408.555.555)	(34.711.566.446)
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(133.142.117)	(195.862.754)
Chi phí lãi vay	06	219.134.706.661	199.495.763.703
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	396.921.450.533	85.075.805.842
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(460.100.755.989)	383.893.817.840
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	766.543.876	49.953.960.771
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	508.882.781.150	(35.535.684.131)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(22.477.152.789)	5.917.801.340
Tiền lãi vay đã trả	14	(117.739.140.973)	(151.197.585.186)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	1.361.000.000	165.100.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.792.500.000)	(943.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	305.822.225.808	337.329.816.476
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21	(7.815.372.000)	(39.169.103.992)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	133.142.117	195.862.754
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(7.682.229.883)	(38.973.241.238)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	792.063.325.152	958.698.648.144
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.061.262.431.257)	(1.263.089.087.694)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(269.199.106.105)	(304.390.439.550)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ			
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	50	28.940.889.820	(6.033.864.312)
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	60	14.072.299.360	7.871.968.422
	61	(45.260)	(8.005)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	43.013.143.920	1.838.096.105

Quảng Ninh, ngày 11 tháng 08 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

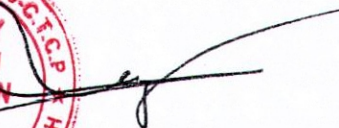
KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC









Nhữ Thị Thu

Lưu Mạnh Thắng

Thân Thế Đàng

Báo cáo tài chính giữa niên độ này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV

Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV tiền thân là Công ty cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu số 220300067 ngày 04 tháng 11 năm 2002. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về ngành nghề kinh doanh cũng như vốn điều lệ của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh lần lượt chứng nhận tại các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi. Hiện nay Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 6, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 24/06/2016 với mã số doanh nghiệp là 5700428470.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Lĩnh vực kinh doanh: sản xuất công nghiệp và dịch vụ.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện; đầu tư xây dựng, quản lý vận hành nhà máy nhiệt điện Cẩm Phả và bán điện cho hệ thống Quốc gia.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở tại phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, yêu cầu Ban Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ tài chính.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào ngày kết thúc kỳ tài chính được phân loại thành tài sản và nợ phải trả, được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch của các ngân hàng thương mại có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Tỷ giá áp dụng đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ áp dụng thống nhất trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam được thực hiện theo Công văn số 3227/TKV-KTTC ngày 07/07/2017 của Tập đoàn cụ thể như sau:

- Các khoản tiền gửi, tiền tồn quỹ và các khoản phải thu ngoài TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng là 22.700 VND/USD.
- Các khoản công nợ phải trả, tiền vay ngoài TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng là 22.770 VND/USD.
- Các khoản công nợ phải thu, phải trả trong TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng là 22.770 VND/USD.
- Các loại ngoại tệ khác (nếu có) được căn cứ vào thông báo của Ngân hàng hoặc quy đổi qua đồng đô la Mỹ theo nguyên tắc như hướng dẫn nêu trên.

Theo hướng dẫn tại Văn bản số 7240/VPCP-KTTH ngày 12/7/2017 của Văn phòng Chính phủ về việc xử lý chênh lệch tỷ giá của Công ty cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả thì "Khoản lỗ

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV

Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ lũy kế đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả được phân bổ vào chi phí ít nhất bằng chênh lệch tỷ giá của khoản nợ đến hạn trả, số còn lại được theo dõi và phân bổ không quá 5 năm”.

Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ khác tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính.

4.4 Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Giá trị nguyên vật liệu, CCDC, hàng hoá Nhập trước xuất trước
- Sản phẩm dở dang Công ty không có chi phí SXKD dở dang

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT - BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho,

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.6 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

4.6.1 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc:	10 - 40 năm
- Máy móc thiết bị:	10 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn:	10 năm
- Thiết bị văn phòng:	05 năm

4.6.2 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Công ty như sau:

- Phần mềm máy tính:	03 năm
----------------------	--------

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV

Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng), chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.8 Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.9 Chi phí đi vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng năm không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ tài chính đó.

4.10 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc kỳ tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch. Chi phí phải trả của Công ty chủ yếu là tiền lãi vay phải trả.

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV

Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

4.11 Dự phòng phải trả

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả: Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ tài chính này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ tài chính trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ tài chính đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ tài chính này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ tài chính trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ tài chính đó.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư ban đầu của Công ty được ghi nhận theo giá trị vốn góp của các bên góp vốn khi được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần. Trong quá trình hoạt động, vốn đầu tư của Công ty được ghi nhận tăng lên theo giá trị vốn góp tăng lên của các cổ đông.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần là thay đổi lần 6 ngày 24 tháng 06 năm 2016 là 2.179.900.000.000 đồng.

Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ của các cổ đông và số vốn thực góp của các cổ đông tại ngày 30/06/2017 như sau:

Cổ đông	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ (theo vốn điều lệ)	Vốn thực góp tại ngày 30/06/2017 (VND)
- Tổng Công ty Điện lực TKV – CTCP	89,21%	1.757.179.069.334
- Công ty CP Than Cọc Sáu – Vinacomin	2,21%	43.598.000.000
- Công ty CP Than Tây nam Đá Mài – Vinacomin	1,11%	21.799.000.000
- Công ty CP Than Đèo Nai – Vinacomin	1,11%	21.799.000.000
- Công ty CP Than Cao Sơn – Vinacomin	1,11%	21.799.000.000
- Công ty CP Than Mông Dương – Vinacomin	1,11%	21.799.000.000
- Tổng Công ty XD công nghiệp Việt Nam	0,46%	9.153.153.548
- Cộng đồng thể nhân	3,68%	72.680.000.000
Cộng	100% vốn điều lệ	1.969.806.222.882

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tại Cuộc họp cổ đông thường niên. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

104
G T
EM H
KF
NA
AN

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV

Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.16 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

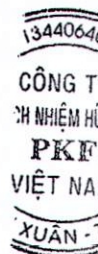
Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
Tiền mặt tại quỹ	(i) 18.053.207	438.971.592
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	(ii) 42.995.090.713	13.633.327.768
Cộng	43.013.143.920	14.072.299.360
 (i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 bao gồm:		
	Nguyên tệ	VND
Ngoại tệ		-
Đồng Việt Nam		18.053.207
Cộng		18.053.207
 (ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 bao gồm:		
	Nguyên tệ	VND
Đồng Việt Nam		42.983.703.031
Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - CN Cẩm Phả		621.031.340
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Cẩm Phả		41.423.413
Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN Cẩm Phả		29.780.208.883
Ngân hàng TMCP TM & CP Sài Gòn - Hà Nội - CN QN		6.462.410
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN QN		12.534.576.985
Ngoại tệ (USD)		11.387.682
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN QN	4,05 #	91.935
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Cẩm Phả	497,61 #	11.295.747
Cộng		42.995.090.713

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV
 Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

5.2 Phải thu khách hàng

	<u>30/06/2017</u> (VND)	<u>01/01/2017</u> (VND)
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	823.528.259.664	409.473.165.746
Công ty Mua bán điện	822.852.728.860	407.869.211.062
Công ty TNHH DV&TM Á Châu	459.574.000	459.574.000
Công ty CP thương mại Hương Giang Cẩm Phả	138.220.000	39.492.000
Công ty CP Đầu tư Hoàng Hải	-	89.268.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	77.736.804	1.015.620.684
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	<u>823.528.259.664</u>	<u>409.473.165.746</u>

5.3 Phải thu khác

	<u>30/06/2017</u> (VND)		<u>01/01/2017</u> (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	72.955.929.125	-	22.304.321.003	-
Phải thu người lao động	29.893.328	-	34.408.057	-
Thuế GTGT tạm nhận nợ với Cty TNHH Công trình Điện Cấp Nhĩ Tân	-	-	3.835.791.547	-
Thuế GTGT chưa được khấu trừ	40.149.000.000	-	17.994.102.923	-
Chênh lệch giá than	31.660.175.585	-	-	-
Phải thu khác	1.116.860.212	-	440.018.476	-
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	<u>72.955.929.125</u>	-	<u>22.304.321.003</u>	-

3312
C
TÁCH
VII
VH X

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

5.4 Nợ xấu

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	72.660.000	-	72.660.000	-
- Từ 3 năm trở lên	72.660.000	-	72.660.000	-
- <i>Trung tâm nghiên cứu, TK và ứng dụng CN mới</i>	72.660.000	-	72.660.000	-
Khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn	-	-	-	-

5.5 Hàng tồn kho

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	48.687.393.660	-	48.469.070.401	-
Công cụ, dụng cụ	63.478.000	-	58.967.400	-
Cộng	48.750.871.660	-	48.528.037.801	-

5.6 Tài sản dở dang dài hạn

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-	-	-
b. Xây dựng cơ bản dở dang	2.110.139.152	-	1.197.196.180	-
- Mua sắm	-	-	-	-
- Xây dựng cơ bản	1.023.890.583	-	1.036.550.583	-
- <i>Đầu tư xây dựng bãi thải</i>	1.018.183.171	-	1.018.183.171	-
- <i>Dự án khác</i>	5.707.412	-	18.367.412	-
- Sửa chữa lớn TSCĐ	1.086.248.569	-	160.645.597	-
Cộng	2.110.139.152	-	1.197.196.180	-

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, thành Phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

5.7 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu kỳ	1.931.176.771.039	8.138.126.372.939	53.935.836.667	2.063.017.271	3.648.626.770	10.128.950.624.686
- Mua trong kỳ	-	7.681.872.000	-	53.500.000	-	7.735.372.000
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.717.835.319)	-	-	-	(2.717.835.319)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1.931.176.771.039	8.143.090.409.620	53.935.836.667	2.116.517.271	3.648.626.770	10.133.968.161.367
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư đầu kỳ	369.708.944.780	3.223.587.544.092	29.665.170.085	1.759.167.973	3.403.379.294	3.628.124.206.224
- Khấu hao trong kỳ	26.432.351.854	203.465.159.534	2.600.653.524	141.762.006	155.724.654	232.795.651.572
- Hao mòn trong kỳ	150.619.380	-	-	-	-	150.619.380
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.267.342.742)	-	-	-	(1.267.342.742)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	396.291.916.014	3.425.785.360.884	32.265.823.609	1.900.929.979	3.559.103.948	3.859.803.134.434
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu kỳ	1.561.467.826.259	4.914.538.828.847	24.270.666.582	303.849.298	245.247.476	6.500.826.418.462
Tại ngày cuối kỳ	1.534.884.855.025	4.717.305.048.736	21.670.013.058	215.587.292	89.522.822	6.274.165.026.933
- Giá trị còn lại TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay						6.274.165.026.933

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

5.8 Tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	-	88.000.000	88.000.000
- Mua trong kỳ	-	80.000.000	80.000.000
- Tặng khác	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	168.000.000	168.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số dư đầu kỳ	-	88.000.000	88.000.000
- Khấu hao trong kỳ	-	4.444.444	4.444.444
- Tặng khác	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	92.444.444	92.444.444
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu kỳ	-	-	-
Tại ngày cuối kỳ	-	75.555.556	75.555.556

5.9 Chi phí trả trước

	30/06/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
a. Ngắn hạn	3.044.406.166	4.037.782.833
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	2.226.903.715	4.037.782.833
Bảo hiểm chờ phân bổ	817.502.451	-
b. Dài hạn	710.150.451.385	686.679.921.929
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.209.083.713	289.977.245
Chi phí sửa chữa, khắc phục sự cố chờ PB	117.723.612.990	95.172.190.002
Lỗi chênh lệch tỷ giá phân bổ 5 năm (*)	591.217.754.682	591.217.754.682
Cộng	713.194.857.551	690.717.704.762

(*) Khoản lỗ tỷ giá do đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ lũy kế đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV được phân bổ vào chi phí trong thời gian không quá 05 năm kể từ năm 2017.

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV
Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

5.10 Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2017 (VND)		Tăng trong năm	Giảm trong năm	30/06/2017 (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ			Giá trị	Khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	455.654.167.130	455.654.167.130	792.063.325.152	684.526.859.080	563.190.633.202	563.190.633.202
<i>Các khoản vay ngắn hạn</i>	<i>455.654.167.130</i>	<i>455.654.167.130</i>	<i>792.063.325.152</i>	<i>684.526.859.080</i>	<i>563.190.633.202</i>	<i>563.190.633.202</i>
NH TMCP ĐT& và PT VN	100.000.000.000	100.000.000.000	110.953.956.891	100.000.000.000	110.953.956.891	110.953.956.891
Ngân hàng Sài Gòn - Hà Nội	206.854.167.130	206.854.167.130	-	206.854.167.130	-	-
NH TMCP Công Thương VN	148.800.000.000	148.800.000.000	681.109.368.261	377.672.691.950	452.236.676.311	452.236.676.311
b. Vay dài hạn	4.341.680.662.910	4.341.680.662.910	-	380.318.631.488	3.961.362.031.422	3.961.362.031.422
<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Từ 5 đến 10 năm</i>	<i>4.341.680.662.910</i>	<i>4.341.680.662.910</i>	<i>-</i>	<i>380.318.631.488</i>	<i>3.961.362.031.422</i>	<i>3.961.362.031.422</i>
NH TMCP Ngoại Thương VN	985.262.782.873	985.262.782.873	-	328.997.356.750	656.265.426.123	656.265.426.123
NH TMCP Hàng Hải	35.816.764.000	35.816.764.000	-	6.536.821.000	29.279.943.000	29.279.943.000
NH TMCP Công Thương VN	520.000.000.000	520.000.000.000	-	43.000.000.000	477.000.000.000	477.000.000.000
Tổng Công ty Điện lực-TKV	2.800.601.116.037	2.800.601.116.037	-	1.784.453.738	2.798.816.662.299	2.798.816.662.299
Cộng	4.797.334.830.040	4.797.334.830.040	792.063.325.152	1.064.845.490.568	4.524.552.664.624	4.524.552.664.624

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV
 Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

c. Phân loại vay dài hạn đến hạn trả

	01/01/2017 (VND)		30/06/2017 (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN	328.420.926.865	328.420.926.865	164.066.355.962	164.066.355.962
Ngân hàng TMCP Hàng Hải	13.022.206.000	13.022.206.000	13.010.778.000	13.010.778.000
Ngân hàng TMCP Công Thương VN	64.500.000.000	64.500.000.000	64.500.000.000	64.500.000.000
Tổng Công ty Điện lực - TKV	508.346.258.498	508.346.258.498	507.900.145.063	507.900.145.063
Cộng	914.289.391.363	914.289.391.363	749.477.279.025	749.477.279.025
d. Số dư tại thời điểm lập báo cáo tài chính				
d1 Vay ngắn hạn (d1 = a+c)	1.369.943.558.493	1.369.943.558.493	1.312.667.912.227	1.312.667.912.227
d2 Vay dài hạn (d2 = b-c)	3.427.391.271.547	3.427.391.271.547	3.211.884.752.397	3.211.884.752.397
Cộng	4.797.334.830.040	4.797.334.830.040	4.524.552.664.624	4.524.552.664.624

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

5.11 Phải trả người bán

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	930.836.060.530	930.836.060.530	423.551.909.174	423.551.909.174
Cty TNHH Công trình Điện Cấp Nhĩ Tân	24.994.549.988	24.994.549.988	28.570.420.048	28.570.420.048
Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin	833.616.222.873	833.616.222.873	342.742.194.721	342.742.194.721
Phải trả cho các đối tượng khác	72.225.287.669	72.225.287.669	52.239.294.405	52.272.294.405
b. Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	930.836.060.530	930.836.060.530	423.551.909.174	423.551.909.174

5.12 Trái phiếu phát hành

	30/06/2017 (VND)			01/01/2017 (VND)		
	Giá trị	Lãi suất năm	Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất năm	Kỳ hạn
- Mệnh giá	1.006.236.800.000	9,975%	5 năm	1.005.699.200.000	9,4%	5 năm
- Chiết khấu	-	-	-	-	-	-
- Phụ trội	-	-	-	-	-	-
Cộng	1.006.236.800.000			1.005.699.200.000		

Số dư trái phiếu phát hành tại ngày 30 tháng 06 năm 2017:

- Phát hành lần 1:

Trái phiếu không chuyển đổi có tổng mệnh giá 450.000.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi tỷ đồng) đảm bảo bằng tài sản, phát hành ngày 27 tháng 06 năm 2014 và đáo hạn vào ngày 27 tháng 06 năm 2019. Các trái phiếu được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ, mỗi trái phiếu có mệnh giá 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). Trái chủ (Ngân hàng Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam) được hưởng lãi kể từ và bao gồm ngày 27 tháng 06 năm 2014 (ngày phát hành) cho đến, nhưng không bao gồm ngày 27 tháng 06 năm 2019 (ngày đáo hạn) và được trả sau 6 tháng một lần vào ngày 27/6 và ngày 27/12 hàng năm, với mức lãi suất bằng tổng của 3,3%/ năm và trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam, trả lãi sau, kỳ hạn 12 tháng được công bố tại 04 ngân hàng lớn của Việt Nam, bao gồm: Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Sở giao dịch), Ngân hàng thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt nam (Sở giao dịch 1), Ngân hàng Cổ phần Công thương Việt Nam (chi nhánh Hà Nội) và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Sở giao dịch 1) tại ngày xác định lãi suất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

- Phát hành lần 2:

Trái phiếu không chuyển đổi có tổng mệnh giá 560.000.000.000 đồng (năm trăm sáu mươi tỷ đồng) đảm bảo thanh toán bằng tài sản, phát hành ngày 29 tháng 12 năm 2015 và đáo hạn vào ngày 29 tháng 12 năm 2020; Chi phí phát hành trái phiếu (phí bảo lãnh phát hành) bằng 1% tổng mệnh giá trái phiếu, tương đương với 5.376.000.000 đồng (năm tỷ, ba trăm bảy mươi sáu triệu đồng) được phân bổ dần trong 05 năm. Các trái phiếu được phát hành được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ, mỗi trái phiếu có mệnh giá 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). Trái phiếu phát hành lần này được bán cho Công ty Liên doanh Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank (500 trái phiếu) và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh (60 trái phiếu).

Trái chủ được hưởng lãi kể từ và bao gồm ngày 29 tháng 12 năm 2015 (ngày phát hành) cho đến, nhưng không bao gồm ngày 29 tháng 12 năm 2020 (ngày đáo hạn) và được trả sau 6 tháng một lần vào ngày 29/6 và ngày 29/12 hàng năm, với mức lãi suất áp dụng như sau:

- Lãi suất năm đầu tiên của trái phiếu là 8%/ năm;
- Lãi suất các kỳ sau bằng tổng của 2,5%/ năm và trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam, trả lãi sau, kỳ hạn 12 tháng áp dụng cho cá nhân được công bố tại các trang web của 04 ngân hàng lớn của Việt Nam, bao gồm: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại ngày xác định lãi suất.



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

5.13 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2017 (VND)	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2017 (VND)
a. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	25.056.539.080	-	25.056.539.080
Thuế thu nhập cá nhân	-	4.126.690	-	4.126.690
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	-	25.063.665.770	3.000.000	25.060.665.770
b. Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	3.398.526.256	143.432.029.153	140.033.502.897	-
Thuế thu nhập cá nhân	116.578.582	267.556.117	150.977.535	-
Thuế nhà đất	-	1.258.949.836	1.758.949.836	500.000.000
Các loại thuế khác	1.593.319.673	2.673.540.687	1.596.986.261	516.765.247
Cộng	5.108.424.511	147.629.075.793	143.537.416.529	1.016.765.247

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

5.14 Chi phí phải trả

	<u>30/06/2017</u> (VND)	<u>01/01/2017</u> (VND)
a. Ngắn hạn	164.969.286.816	82.539.402.401
Chi phí lãi vay	160.291.190.857	61.981.685.312
Chi phí điện mua của EVN	-	2.181.636.896
Lãi chậm trả tiền than	-	10.014.244.768
Chi phí sửa chữa bảo dưỡng tài sản	2.085.572.482	-
Các khoản chi phí phải trả khác	2.592.523.477	8.361.835.425
b. Dài hạn	-	-
Cộng	<u>164.969.286.816</u>	<u>82.539.402.401</u>

5.15 Phải trả khác

	<u>30/06/2017</u> (VND)	<u>01/01/2017</u> (VND)
a. Ngắn hạn	2.292.022.549	4.986.785.008
Thưởng vận hành an toàn ngành điện	1.448.903.753	2.187.080.434
Thuế GTGT nhà thầu nước ngoài CP2	-	699.794.434
Kinh phí công đoàn	148.703.422	29.077.283
Kinh phí hoạt động công tác đảng	152.628.688	91.830.501
Phạt môi trường năm 2016	-	1.702.981.880
Các khoản phải trả phải nộp khác	541.786.686	276.020.476
b. Dài hạn	-	-
Cộng	<u>2.292.022.549</u>	<u>4.986.785.008</u>

313
 Ct
 ÁCH
 VI
 VH

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV
Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

5.16 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ SH	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	1.969.806.222.882	-	-	(658.539.266.156)	1.311.266.956.726
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	99.275.993.226	99.275.993.226
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước/đầu kỳ này	1.969.806.222.882	-	-	(559.263.272.930)	1.410.542.949.952
- Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	(52.467.210.029)	(52.467.210.029)
- Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1.969.806.222.882	-	-	(611.730.482.959)	1.358.075.739.923

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV
 Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, thành Phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>30/06/2017</u> (VND)	<u>01/01/2017</u> (VND)
Vốn góp của Nhà nước	1.757.179.069.334	1.757.179.069.334
Vốn góp của đối tượng khác	212.627.153.548	212.627.153.548
Cộng	1.969.806.222.882	1.969.806.222.882

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Từ 01/01/2017 đến</u> <u>30/06/2017</u> (VND)	<u>Năm 2016</u> (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	1.969.806.222.882	1.969.806.222.882
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	1.969.806.222.882	1.969.806.222.882
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	<u>Từ 01/01/2017</u> <u>đến 30/06/2017</u> (VND)	<u>Năm 2016</u> (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	196.980.622	196.980.622
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	196.980.622	196.980.622
Cổ phiếu phổ thông	196.980.622	196.980.622
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	196.980.622	196.980.622
Cổ phiếu phổ thông	196.980.622	196.980.622
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND	



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, thành Phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp DV	1.661.250.974.027	1.019.539.271.572
Doanh thu bán điện	1.660.471.184.027	1.018.161.341.730
Doanh thu khác	779.790.000	1.377.929.842

6.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
Giá vốn thành phẩm đã bán	1.483.545.775.432	1.214.150.502.621
Giá vốn khác	-	-
Cộng	1.483.545.775.432	1.214.150.502.621

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	133.149.112	195.862.754
Lãi chênh lệch tỷ giá	7.717.599.488	60.105.011.250
Cộng	7.850.748.600	60.300.874.004

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
Lãi tiền vay	219.134.706.661	199.495.763.703
Chi phí tài chính khác	198.152.673	537.600.000
Cộng	219.332.859.334	200.033.363.703

6.5 Thu nhập khác

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	-
Các khoản khác	176.126.455	374.160.533
Cộng	176.126.455	374.160.533

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV
Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, thành Phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

6.6 Chi phí khác

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
Chi phí thanh lý tài sản cố định	1.450.492.577	-
Các khoản khác	827.328.195	1.123.040.488
Cộng	2.277.820.772	1.123.040.488

6.7 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
a. Chi phí quản lý doanh nghiệp	16.588.603.573	13.625.238.094
Chi phí nhân viên	8.886.459.004	6.648.823.569
Các khoản khác	7.702.144.569	6.976.414.525
b. Chi phí bán hàng	-	-
c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-
Cộng	16.588.603.573	13.625.238.094

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
a. Chi phí SX, kinh doanh theo yếu tố	1.500.134.379.005	1.228.604.575.203
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.199.165.621.483	887.318.608.935
Chi phí nhân công	36.996.955.287	28.560.884.054
Chi phí khấu hao TSCĐ	232.087.837.126	268.490.329.755
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.886.264.503	31.667.313.718
Chi phí khác bằng tiền	10.997.700.606	12.567.438.741
b. Các khoản ghi giảm chi phí	-	-
Cộng	1.500.134.379.005	1.228.604.575.203

3134
CỔ
ÁCH N
P
VIỆ
VH XL

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, thành Phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
Thu nhập chịu thuế TNDN trong kỳ	1.669.277.849.082	1.080.214.306.109
Tổng chi phí phát sinh trong kỳ	1.721.745.059.111	1.428.932.144.906
Chi phí không hợp lý để tính thuế TNDN	49.779.305	-
Lợi nhuận chịu thuế TNDN	(52.417.430.724)	(348.717.838.797)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành của năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(52.467.210.029)	(348.717.838.797)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	196.980.622	196.980.622
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(266)	(1.770)

6.11 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Tổng giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, thành Phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu, trái phiếu

Công ty không đầu tư cổ phiếu, trái phiếu nên không có rủi ro về giá cổ phiếu, trái phiếu.

(ii) **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, thành Phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
Ngày 30/06/2017			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	43.013.143.920	-	43.013.143.920
Phải thu khách hàng	823.528.259.664	-	823.528.259.664
Phải thu khác	74.572.031.726	-	74.572.031.726
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(72.660.000)	-	(72.660.000)
Dự phòng giảm giá các khoản ĐT	-	-	-
Tổng cộng	941.040.775.310		941.040.775.310
Ngày 30/06/2017			
Các khoản vay và nợ	1.476.734.268.187	4.054.055.196.437	5.530.789.464.624
Phải trả người bán	930.856.855.030	-	930.856.855.030
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	202.047.228.025	-	202.047.228.025
Tổng cộng	2.609.638.351.242	4.054.055.196.437	6.663.693.547.679
Chênh lệch thanh khoản thuần	(1.668.597.575.932)	(4.054.055.196.437)	(5.722.652.772.369)
Ngày 01/01/2017			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.072.299.360	-	14.072.299.360
Phải thu khách hàng	409.473.165.746	-	409.473.165.746
Phải thu khác	24.413.915.891	-	24.413.915.891
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(72.660.000)	-	(72.660.000)
Dự Phòng giảm giá các khoản ĐT	-	-	-
Tổng cộng	447.886.720.997		447.886.720.997
Ngày 01/01/2017			
Các khoản vay và nợ	1.369.943.558.493	4.433.090.471.547	5.803.034.030.040
Phải trả người bán	423.551.909.174	-	423.551.909.174
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	98.958.168.095	-	98.958.168.095
Tổng cộng	1.892.453.635.762	4.433.090.471.547	6.325.544.107.309
Chênh lệch thanh khoản thuần	(1.444.566.914.765)	(4.433.090.471.547)	(5.877.657.386.312)

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, thành Phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2017	01/01/2017	30/06/2017	01/01/2017
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng</i>	823.528.259.664	409.473.165.746	823.455.599.664	409.400.505.746
<i>Các khoản PT khác</i>	74.572.031.726	24.413.915.891	74.572.031.726	24.413.915.891
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	43.013.136.925	14.072.299.360	43.013.136.925	14.072.299.360
Tổng cộng	941.113.428.315	447.959.380.997	941.040.768.315	447.959.380.997
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	5.530.789.464.624	5.803.034.030.040	5.530.789.464.624	5.803.034.030.040
<i>Phải trả người bán</i>	930.856.855.030	423.551.909.174	930.856.855.030	423.551.909.174
<i>Phải trả khác</i>	202.047.228.025	98.958.168.095	202.047.228.025	98.958.168.095
Tổng cộng	6.663.693.547.679	6.325.544.107.309	6.663.693.547.679	6.325.544.107.309

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 01 tháng 01 năm 2017 và ngày 30 tháng 06 năm 2017. Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

6.12 Báo cáo bộ phận

Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chính là phát điện cho hệ thống điện Quốc gia (bán toàn bộ điện cho Công ty mua bán điện). Do đó không trình bày báo cáo bộ phận.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017, tổng doanh thu của Công ty phát sinh hoàn toàn tại Quảng Ninh nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên có liên quan

Số dư tại ngày 30/06/2017 và giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017 được thể hiện tại các phụ biểu đính kèm, cụ thể như sau:

- Biểu số 01: Bảng kê vật tư hàng hóa, than và dịch vụ mua nội bộ Tập đoàn;
- Biểu số 02: Báo cáo các khoản phải thu, phải trả trong nội bộ Tập đoàn.
- Thu nhập trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017 của các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
+ Lương, thưởng, phụ cấp khác của Ban Tổng giám đốc	740.160.000	912.363.945
+ Thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị	104.304.000	127.200.000
Tổng cộng	844.464.000	1.039.563.945

7.2 Những sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập Báo cáo giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào khác có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7.3 Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam

Số liệu dùng để so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016 đã được soát xét bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Quảng Ninh, ngày 11 tháng 08 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nhữ Thị Thu

Lưu Mạnh Thắng



Phan Thế Đăng

TỔNG HỢP MUA BÁN VẬT TƯ HÀNG HOÁ, THAN VÀ DỊCH VỤ MUA NỘI BỘ TẬP ĐOÀN
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Đơn vị: VND

TT	Tên đơn vị	Mối quan hệ	Giá trị mua trong kỳ	
			Nội dung	Giá trị
A	B	1	2	3
1	Công ty kho vận và cảng Cẩm Phả - Vinacomin	Cùng Tập đoàn	Than	1.137.158.207.413
2	Công ty tuyển than Cửa Ông - TKV	Cùng Tập đoàn	Dịch vụ	12.600.000
3	Công ty cổ phần chế tạo máy-Vinacomin	Cùng Tập đoàn	Vật tư, Hàng hóa	11.422.085
4	Công ty cổ phần công nghiệp ô tô - Vinacomin	Cùng Tập đoàn	Vật tư, Hàng hoá, Dịch vụ	797.410.288
5	Viện cơ khí năng lượng và mỏ Vinacomin	Cùng Tập đoàn	Vật tư, Hàng hoá, Dịch vụ	144.800.000
6	Công ty CP Vật tư -TKV-Xí nghiệp Vật tư Cẩm Phả	Cùng Tập đoàn	Vật tư, Hàng hóa	4.570.288.607
7	Công ty CP Vận tải và đưa đón thợ mỏ - Vinacomin	Cùng Tập đoàn	Dịch vụ	212.160.000
8	Công ty TNHH 1TV Môi trường - TKV	Cùng Tập đoàn	Vật tư, Hàng hoá, Dịch vụ	10.849.406.800
9	Trường Quản trị kinh doanh - Vinacomin	Cùng Tập đoàn	Dịch vụ	21.574.000
10	Công ty Phát triển công nghệ và thiết bị mỏ	Cùng Tập đoàn	Dịch vụ	533.936.232
11	Viện khoa học công nghệ mỏ - Vinacomin	Cùng Tập đoàn	Dịch vụ	280.018.909
12	Trường cao đẳng nghề than - khoáng sản Việt Nam	Cùng Tập đoàn	Dịch vụ	44.000.000
	Tổng cộng			1.154.635.824.334

Quảng Ninh, ngày 11 tháng 08 năm 2017

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG




Nhữ Thị Thu

Lưu Mạnh Thăng



Thân Thế Đăng

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV
 Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

Biểu số 02

BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Đơn vị: VND

TT	TÊN ĐƠN VỊ	Mối quan hệ	Các khoản công nợ		
			331	335	341
A	CÁC KHOẢN PHẢI THU		-	-	-
B	CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ		843.029.684.793	159.274.039.106	2.798.816.662.299
I	NGẮN HẠN		843.029.684.793	159.274.039.106	507.900.145.063
1	Công ty Kho vận & Cảng Cẩm Phả - Vinacomin	Cùng Tập đoàn	833.616.222.873	-	-
2	Công ty Tuyển than Cửa Ông - TKV	Cùng Tập đoàn	5.236.875	-	-
3	Công ty cổ phần công nghiệp ô tô - Vinacomin	Cùng Tập đoàn	1.032.917.943	-	-
4	Viện cơ khí năng lượng và mỏ Vinacomin	Cùng Tập đoàn	159.280.000	-	-
5	Công ty CP Vật tư -TKV-Xí nghiệp Vật tư Cẩm Phả	Cùng Tập đoàn	2.264.254.854	-	-
6	Công ty TNHH 1TV Môi trường - TKV	Cùng Tập đoàn	4.315.515.600	-	-
7	Chi nhánh Công ty cổ phần chế tạo máy-Vinacomin	Cùng Tập đoàn	12.564.294	-	-
8	Công ty CP SX và kinh doanh Vật tư thiết bị - VVMI	Cùng Tập đoàn	96.091.765	-	-
9	Trường cao đẳng nghề than - khoáng sản Việt Nam	Cùng Tập đoàn	44.000.000	-	-
10	Công ty CP Vận tải và đưa đón thợ mỏ - Vinacomin	Cùng Tập đoàn	53.856.000	-	-
11	Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV	Cùng Tổng công ty	34.214.400	-	-
12	Cty Thủy điện Đông Nai 5-Vinacomin	Cùng Tổng công ty	419.693.848	-	-
13	Cty CP Than điện Nông Sơn - TKV	Cùng Tổng công ty	388.506.487	-	-
14	Công ty Phát triển công nghệ và thiết bị mỏ	Cùng Tập đoàn	587.329.854	-	-
15	Tổng công ty điện lực TKV - CTCP	Công ty mẹ	-	159.274.039.106	507.900.145.063
II	DÀI HẠN		-	-	2.290.916.517.236
1	Tổng công ty điện lực TKV - CTCP	Công ty mẹ	-	-	2.290.916.517.236

NGƯỜI LẬP BIỂU

KÊ TOÁN TRƯỞNG

Nhữ Thị Thu

Lưu Mạnh Thăng

Nhữ Thị Thu

Lưu Mạnh Thăng

Quảng Ninh, ngày 11 tháng 08 năm 2017
 TỔNG GIÁM ĐỐC



Thân Thế Đăng
 Thân Thế Đăng

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính